

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VÕ QUAN TRONG QUÂN ĐỘI CỦA VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN GIAI ĐOẠN 1802-1884

Vũ Thị Nga

Khoa Di sản Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Tóm tắt. Chế độ đãi ngộ dành cho võ quan là một trong những chính sách quan trọng trong xây dựng và củng cố lực lượng quân đội dưới triều Nguyễn. Võ quan dưới triều Nguyễn không chỉ được hưởng lương bổng như những ngạch quan lại khác trong triều đình mà còn được hưởng những ưu đãi đặc biệt của nhà nước do đặc thù công việc, như chế độ cho những người trận vong, trận thương cho quân đội khi tham gia chiến trận. Những chính sách này không chỉ phản ánh đời sống, thu nhập của tầng lớp võ quan mà còn phần nào cho thấy tình hình kinh tế cũng như chính trị của vương triều Nguyễn.

Từ khóa: Lương bổng, quân đội, triều Nguyễn, võ quan.

1. Mở đầu

Võ quan là bộ phận quan trọng trong lực lượng quân đội của một nhà nước quân chủ nói chung, triều Nguyễn nói riêng. Những chính sách của nhà nước đối với võ quan quyết định đến đời sống kinh tế cũng như tinh thần của họ. Do vậy, đây là một trong những yếu tố quyết định đến sự mạnh yếu của quân đội, thể hiện vai trò của nhà nước trong những quyết sách liên quan trực tiếp đến sự vững mạnh của nền chính trị đương thời. Dưới vương triều Nguyễn, đặc biệt là thời vua Tự Đức, nước Đại Nam đang bị thực dân Pháp xâm lược. Những chính sách đãi ngộ của nhà nước đối với các võ quan thể hiện được sự coi trọng của nhà nước đối với quân đội, phản ánh vai trò của bộ phận này đối với sự ổn định của tình hình chính trị - xã hội trong nước cũng như huy động sức mạnh của quân đội trong kháng chiến chống ngoại xâm.

Trước đây, do cách tiếp cận về nhà Nguyễn còn có tính định kiến nên việc nghiên cứu về quân đội triều Nguyễn nói chung cũng như chế độ bổng lộc của nhà nước dành cho quân đội còn hạn chế. Hiện nay, việc nhìn nhận và đánh giá về vương triều này ngày càng khách quan và cởi mở hơn, do đó, vấn đề chế độ đãi ngộ đối với võ quan của vương triều Nguyễn ngày càng được các nhà sử học quan tâm nghiên cứu. Công trình đầu tiên đề cập đến vấn đề này là bài viết của tác giả Nguyễn Minh Tường (2002) “*Chính sách đối với chiến sĩ trận vong, trận thương dưới triều Nguyễn*” trong sách *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam* (Trung tâm Bảo tồn cổ đô Huế và Tạp chí Xưa & Nay,

Ngày nhận bài: 19/12/2018. Ngày sửa bài: 19/1/2019. Ngày nhận đăng: 10/2/2019.

Tác giả liên hệ: Vũ Thị Nga. Địa chỉ e-mail: phuongchi0304@gmail.com

2002 [1; tr.201-203]. Nội dung của bài nghiên cứu đề cập đến những chính sách của triều Nguyễn đối với thương binh, tử sĩ. Tuy nhiên, bài viết mới chỉ dừng lại ở việc nêu chính sách đối với thương, bệnh binh nói chung, chưa đề cập cụ thể những chính sách đối với võ quan.

Trong vài năm trở lại đây, những công trình nghiên cứu có liên quan đến chính sách của nhà Nguyễn đối với võ quan ngày càng nhiều.

Tác phẩm “*Định chế hành chính và quân sự triều Nguyễn (1802- 1885)*” [2] là công trình nghiên cứu về những quy định của pháp luật triều Nguyễn đối với hành chính và quân đội do Huỳnh Công Bá chủ biên, Nhà xuất bản Thuận Hóa phát hành năm 2014. Nội dung liên quan đến chính sách đối với võ quan được đề cập trong phần III, IV của chương II (Định chế về điều hành quân đội) với những nội dung: định chế về quyền lợi quân đội (gồm các định chế về: lương bổng; điều dưỡng bệnh binh; hậu tuất: trăn thương, trăn vong, bệnh vong, nạn gió; hưu dưỡng; tập ẩm ngạch võ), định chế về thưởng phạt. Đây là cuốn sách nghiên cứu tổng hợp về tổ chức và lương, thưởng, phạt của quan và lính trong quân đội triều Nguyễn. Tuy vậy, công trình nghiên cứu này chủ yếu mới dừng lại ở việc nêu ra những định chế pháp luật của nhà nước áp dụng trong quân đội.

Trong bài viết “*Thủy quân nhà Nguyễn thời vua Minh Mạng*” đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, các tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Phương Nga (2016) [3, tr46-56] cũng đã dành một phần nội dung đề cập đến chính sách đãi ngộ và chế độ lương bổng của thủy quân dưới triều Nguyễn.

Liên quan trực tiếp đến nội dung nghiên cứu, tác giả Hà Duy Biền (2015, 2016) đã có hai bài viết liên quan in trên Tạp chí Lịch sử quân sự gồm “*Định mức lương bổng của quan lại Bộ Binh dưới triều Minh Mạng (1820-1840)*”, số 278 (2/2015) [4; tr.51-56] và “*Cách thức tính toán và chi cấp lương bổng đối với quan lại bộ Binh triều Minh Mạng (1820 - 1840)*”, số 291(3/2016) [5, tr46-53]. Đây là hai bài viết đã đề cập khá kỹ về chính sách tiền lương cho quan lại bộ Binh nói chung nhưng nội dung khảo cứu chỉ mới dừng lại ở cầm quyền của vua Minh Mạng.

Nhìn chung, đã có một số bài viết liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lương bổng cho binh lính trong quân đội triều Nguyễn được công bố song nội dung khảo cứu chưa tập trung, hệ thống. Bài viết này nhằm làm rõ những chính sách của các vua triều Nguyễn trong việc thực thi các chính sách đảm bảo lương, bổng và những đặc ân cho không chỉ đối với võ quan đương nhiệm mà còn đối với võ quan đã về hưu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chế độ đãi ngộ với các võ quan đương nhiệm

2.1.1. Chi cấp thường xuyên

a. Chi cấp lương bổng

Đối với quan lại nói chung, võ quan nói riêng, lương là nguồn thu nhập chính, chính vì vậy, chế độ tiền lương của quan lại (trong đó có võ quan) luôn được các vua triều Nguyễn quan tâm. Ngay sau khi lên ngôi, năm Gia Long năm thứ 2 (1803), triều Nguyễn đã ban hành chế độ lương bổng cho riêng võ quan ở Bắc Thành. Đến năm Gia Long thứ 11 (1812), lương của võ quan trên cả nước mới được thống nhất ban hành nằm trong lệ chi cấp lương bổng của quan lại nói chung. Quan chế triều Nguyễn phân chia quan lại

thành 9 phẩm, cao nhất là Nhất phẩm, thấp nhất là Cửu phẩm, mỗi phẩm lại chia thành 2 trật là Chánh và Tòng, tổng cộng thành 18 trật. Theo quy định của chế độ lương bổng năm 1812, chế độ lương bổng của quan viên (trong đó có võ quan) được chi trả bằng tiền và bạc đỉnh theo thời hạn 6 tháng, 3 tháng và 1 tháng một lần tùy theo phẩm trật. Về sau, do nhận thấy người phẩm cao được hưởng lương quá nhiều, trong khi người phẩm thấp lương lại quá ít nên năm Minh Mạng thứ 20 (1839), triều đình quy định số tiền gạo lương hàng năm của các võ quan từ Chánh nhất phẩm đến Chánh nhị phẩm đều được điều chỉnh giảm, từ Tòng nhị phẩm trở xuống, số tiền theo thứ bậc tăng lên còn số gạo giảm. Như vậy, với những điều chỉnh này thì số gạo cấp cho các võ quan Tòng nhị phẩm đã giảm, còn số gạo cấp cho các phẩm trật khác vẫn để như cũ.

Do tình hình ngân khố quốc gia có nhiều biến động nên đến năm Tự Đức thứ 4 (1861), chế độ tiền lương cho các võ quan từ Tòng tam phẩm trở lên giảm so với triều Minh Mạng. Cụ thể như sau:

***Bảng thống kê lương bổng của võ quan triều Nguyễn
qua các triều Gia Long, Minh Mạng Tự Đức***

TT	Phẩm trật	Lương					
		Tiền (Đơn vị: quan)			Gạo (Đơn vị: phượng)		
		Gia Long	Minh Mạng	Tự Đức	Gia Long	Minh Mạng	Tự Đức
1	Chánh nhất phẩm	600	400	240	600	300	250
2	Tòng nhất phẩm	360	300	250	300	250	210
3	Chánh nhị phẩm	300	250	210	360	200	170
4	Tòng nhị phẩm	156	180	150	156	150	130
5	Chánh tam phẩm	120	150	130	120	120	105
6	Tòng tam phẩm	90	120	105	90	90	80
7	Chánh tứ phẩm	60	60	60	80	60	60
8	Tòng tứ phẩm	50	60	60	50	50	50
9	Chánh ngũ phẩm:	35	40	40	31	35	35
10	Tòng ngũ phẩm	30	35	35	30	30	30
11	Chánh lục phẩm	25	30	30	25	25	25
12	Tòng lục phẩm	22	22	22	25	22	22
13	Chánh, tòng thất phẩm	20	22	22	20	20	20
14	Chánh và tòng bát phẩm	18	20	20	18	18	18
15	Chánh, tòng cửu phẩm	16	18	18	16	18	18

Nguồn [6; tr.138-141]

Như vậy, có thể thấy, tiền lương của võ quan nằm trong chế độ tiền lương chung của quan lại từ thời Gia Long đến Minh Mạng và Tự Đức luôn có sự điều chỉnh theo xu

hướng giảm bớt. Điều này phản ánh những khó khăn của nền kinh tế cũng như gánh nặng chi dùng của nhà nước, nhất là trong giai đoạn chống Pháp xâm lược.

b. Chi cấp cho xuân phục

Cùng với lương bổng, hàng năm võ quan triều Nguyễn còn được nhà nước chi cấp một khoản tiền mua xuân phục. Năm Gia Long năm thứ 17 (1818), triều Nguyễn bắt đầu thực hiện lệ chi cấp này. Số tiền chi cấp cho xuân phục của võ quan cũng dựa trên phẩm trật cao thấp. Cao nhất là Chánh nhất phẩm mỗi năm được 70 quan, thấp nhất là Chánh và Tổng cửu phẩm mỗi năm được 4 quan. Đến thời trị vì của vua Minh Mạng, năm 1831 triều đình lại cho sửa đổi định lại lệ cấp áo mặc về mùa xuân cho quan viên văn võ. Vua Minh Mạng quy định: *“Văn võ từ chánh ngũ phẩm và thự tứ phẩm trở lên thì cấp cho áo hàng màu, nếu có chức tam phẩm trở lên mà bị giáng cấp xuống dưới chánh ngũ phẩm thì cũng chuẩn cho chiếu theo cấp giáng xuống ấy mà cấp cho áo màu đối với phẩm cấp mình, còn ngoài ra đều chuẩn phẩm trật mà cấp bằng tiền”* [7; tr.161].

2.1.2. Chế độ ưu đãi đối với những võ quan đi làm nhiệm vụ

a. Trợ cấp cho võ quan đi đánh giặc bị trận thương, trận vong và tai nạn

Dưới thời vua Minh Mạng, năm 1833, triều đình nhà Nguyễn đã đặt ra định lệ ưu tiên chi cấp cho quan lại (cả văn và võ quan) khi đi đánh giặc. Theo đó, võ quan sẽ được cấp trước tiền lương bổng theo số tiền nhà nước quy định, nếu đến kì lĩnh tiền lương của võ quan vẫn còn thừa thì sẽ được thân nhân ở nhà lĩnh hoặc được truy lĩnh sau.

Đối với các võ quan đi đánh giặc, ngoài tiền lương bổng họ còn được cấp phát thêm tiền và gạo. Định lệ này bắt đầu được thực hiện vào năm Minh Mạng thứ 15 (1834). Ngoài ra, võ quan còn được ban cấp thêm quần áo ấm vào mùa đông cùng với sâm quế, thuốc viên để phòng khi ốm đau.

Dưới thời Nguyễn, chế độ ưu đãi cho võ quan bị trận thương, trận vong được đặc biệt quan tâm, nhất là trong thời gian trị vì của vua Tự Đức.

Đối với các võ quan bị tai nạn gió bão khi tham gia công sai sẽ được nhà nước cấp cho một số tiền nhất định. Theo định lệ được thực hiện từ năm Gia Long năm thứ 14 (1815) thì tất cả các võ quan bị gặp nạn gió bão *“không kể còn mất đều được cấp tiền: cai đội được cấp 30 quan, phó đội 20 quan, đội trưởng 15 quan”* [8; tr.912].

Đối với các quan lại bị trận vong, trận thương khi thực hiện nhiệm vụ, triều Nguyễn trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng vẫn cố gắng duy trì chính sách trợ cấp tài chính cho những đối tượng này.

Dưới thời Tự Đức, triều đình không chỉ phải đối mặt với các cuộc nổi dậy của nông dân mà còn phải chống lại sự xâm lược của thực dân phương Tây xâm lược. Để khuyến khích và động viên tinh thần quân sĩ, vua Tự Đức đã ban hành chế độ ban cấp cho các võ quan tham gia chiến trận bị thương.

Năm Tự Đức thứ 12 (1859), triều đình thực hiện ban cấp cho các quan võ đi đánh trận bị thương, trong đó quan viên bị trọng thương được cấp 10 quan, quan viên bị thương nhẹ cấp 6 quan tiền. Một năm sau đó (1860), triều đình lại có quy định ban cấp cho các võ quan đi đánh dẹp những cuộc nổi dậy của dân tộc thiểu số. Theo đó, võ quan bị trọng thương thì được cấp 6 quan, suất đội 4 quan; bị thương nhẹ, quan viên được cấp 4 quan, suất đội cấp 3 quan.

Năm Tự Đức thứ 19 (1866), triều đình có quy định cụ thể hơn về chế độ đãi ngộ đối với võ quan cầm quân đi đánh giặc Tây dương (tức quân Pháp). Quy định nêu rõ, nếu võ quan bị trọng thương là Chánh, Phó Đề đốc thì được cấp 20 quan tiền; Chánh, Phó Lãnh binh thì được 18 quan; Đốc binh được 16 quan; Suất đội được 12 quan; Đội trưởng được 10 quan. Trong trường hợp chỉ bị thương nhẹ thì Chánh, Phó Đề đốc được cấp 18 quan; Chánh, Phó Lãnh binh được cấp 16 quan; Đốc binh được 14 quan; quan viên được 12 quan; Suất đội được 10 quan và Đội trưởng được 8 quan.

Trong trường hợp các võ quan bị tử trận, triều đình nhà Nguyễn cũng đã có quy định cụ thể về truy cấp tước vị, tập ấm cùng với những biện pháp hỗ trợ tài chính về tiền tuất.

Năm Tự Đức thứ 11 (1858), lệ tập ấm của triều đình quy định, trường hợp võ quan bị chết khi tham gia chiến trận thì ngoài một người con (em, cháu) của họ được hưởng lệ tập ấm thì cha mẹ của võ quan bị trận vong cũng được nhà nước cấp dưỡng.

Vào các năm Tự Đức thứ 12 (1859) và Tự Đức thứ 15 (1862) sau đó, triều đình lại đổi lệ tập ấm thành lệ cấp tuất gấp đôi, nhưng không được ám thụ và miễn đi lính. Võ quan từ Tam phẩm trở lên, nếu phải đi đánh giặc, không may trận vong hoặc lâm bệnh chết tùy theo phẩm hàm ngoài tiền được truy cấp, mỗi người còn được cấp một bộ mũ áo để thờ. Đặc biệt đến năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình ban hành chế độ ân tuất cụ thể cho võ quan bị trận vong, đối tượng áp dụng từ Chánh tam phẩm trở lên (không kể tại chức hay hưu trí, chết bệnh hoặc chết trận) đều được cấp áo châu triều cùng với một số tiền hỗ trợ nhất định tùy theo phẩm trật cao thấp. Theo đó, cao nhất là quan Chánh nhất phẩm được 800 quan, thấp nhất là quan Tông cửu phẩm, thuộc nhiều được 10 quan. Năm Tự Đức thứ 29 (1876), triều đình tiếp tục ra định lệ tăng tiền tuất cho võ quan trận vong, theo đó tiền tuất của các phẩm trật đều được tăng lên, ví dụ như chức Chánh Nhất phẩm được tăng từ 800 quan lên 900 quan; chức Tông cửu phẩm được tăng 10 quan lên 15 quan.

Đối với võ quan đương nhiệm bị chết, triều Nguyễn còn ban hành quy định về chế độ tiền tuất. Năm Gia Long thứ 5 (1806), triều đình quy định: “Chánh nhất phẩm tiền tuất 400 quan, tòng nhất phẩm 300 quan, chánh nhị phẩm 200 quan, tòng nhị phẩm 100 quan, chánh tam phẩm 70 quan, tòng tam phẩm 40 quan, chánh tòng tứ phẩm 30 quan, chánh tòng ngũ phẩm 25 quan, chánh tòng lục phẩm 20 quan, chánh tòng thất phẩm 15 quan, chánh tòng bát phẩm 10 quan, chánh tòng cửu phẩm 5 quan” [8; tr.676-677]. Đến năm Gia Long thứ 9 (1810), nhà Nguyễn tiếp tục thực hiện đổi định lệ tiền ân tuất cho các quan viên văn võ, theo đó, võ quan từ Tông tứ phẩm trở xuống, tiền cấp tuất sẽ giảm đi so với trước. Cụ thể: “Tông tứ phẩm 28 quan, ngũ phẩm 25 quan, tòng ngũ phẩm 23 quan, lục phẩm 20 quan, tòng lục phẩm 18 quan, thất phẩm 15 quan, tòng thất phẩm 13 quan, bát phẩm 10 quan, tòng bát phẩm 8 quan, cửu phẩm 5 quan, tòng cửu phẩm 4 quan” [8; tr.789].

b. Khen thưởng

Ngoài chế độ lương được nhà nước quy định, và những khoản chi dùng thường xuyên được nhận, võ quan còn được nhận một khoản tiền không nhỏ đó là tiền thưởng. Dưới triều Nguyễn, đặc biệt dưới thời vua Tự Đức, nhà nước ban hành nhiều quy định về việc khen thưởng cho võ quan có thành tích và lập công trong chiến đấu.

Hàng năm, quan lại triều Nguyễn còn được nhận một khoản tiền bổng lộc của vua ban được gọi là ân bổng. Dưới thời Gia Long và Minh Mạng, việc quy định mức bổng lộc của quan lại không được ghi cụ thể. Đến năm Tự Đức thứ 8 (1855), sách *Đại Nam thực lục* cho biết, nhà vua thực hiện tăng ân bổng cho quan ở kinh thành. Mỗi năm tăng cho Chánh nhất phẩm 100 quan, Tòng nhất phẩm 90 quan, Chánh nhị phẩm 80 quan, Tòng nhị phẩm 70 quan, Chánh tam phẩm 60 quan, Tòng tam phẩm 50 quan, Chánh tứ phẩm 40 quan, Tòng tứ phẩm 35 quan, Chánh ngũ phẩm 30 quan, Tòng ngũ phẩm 25 quan, Chánh lục phẩm 20 quan, Tòng lục phẩm 18 quan, Chánh tòng thất phẩm 16 quan, Chánh tòng bát phẩm 14 quan, Chánh tòng cửu phẩm 12 quan. Năm Tự Đức thứ 14 (1861), nhà vua cho rằng do nhà nước tiêu dùng vào việc quân quán tốn kém nên tạm đình tiền ân bổng quan văn, võ từ ngũ phẩm trở lên. Riêng ở kinh thành thì ân bổng của võ quan hàm chánh lục phẩm trở xuống vẫn được ban cấp như lệ cũ.

Ngoài bổng lộc quy định, các vua triều Nguyễn còn ban hành chế độ thưởng cho các võ quan có thành tích trong luyện tập và chiến đấu. Từ năm Gia Long thứ 13 (1814), nhà Nguyễn đã ban hành chế độ thưởng thi bắn cho các quan. Người xuất sắc nhất (bắn 3 phát trúng đích) thì được thưởng một cái áo kép vải, một quần trù nam và 20 quan tiền; người bắn 2 phát trúng đích và 1 phát vào khuyên tròn thì được thưởng 1 cái áo kép vải, một quần sại nam và 15 quan tiền; người bắn 1 phát trúng đích 2 phát trúng vòng tròn thì được thưởng 1 cái áo kép vải 1 quần sại và 10 quan tiền; người bắn 3 phát trúng vòng tròn được thưởng 1 áo kép vải, một quần sại và 5 quan tiền; người bắn 2 phát trúng vòng tròn được thưởng 1 áo kép vải, một quần sại và người bắn 1 phát trúng vòng tròn thì được thưởng 1 áo kép vải, một quần vải.

Đến năm Tự Đức thứ 35 (1882), triều đình lại thực hiện chế độ thăng thưởng cho các quan quân từng tham gia đi đánh giặc lâu ngày từ 4-5 năm trở lên, có chém bắt được giặc. Riêng những người không bắt chém được giặc mà từng ở quân thứ đến 6-7 năm cũng đều được nhà nước khen thưởng.

Vua Tự Đức đặc biệt quan tâm tới võ quan lập được công lao lớn, khi thắng trận trở về nhà Nguyễn tổ chức lễ mừng công và thực hiện ban thưởng đặc biệt cho các võ quan. Năm Tự Đức thứ 33 (1880), tin thắng trận báo lên, nhà vua thực hiện thưởng cho quân thứ ở biên giới phía Bắc. Từ Thống đốc đến Lãnh binh đều thưởng áo quần, bạc lạng có thứ bậc khác nhau; Đốc binh đến Hiệp quân đều gia thưởng bạc lạng; Cai suất đội đến binh丁 được sai phái đi cố sức làm việc được thưởng chung tất cả là 20.000 quan tiền). Trong các võ quan được nhà vua khen thưởng có những trường hợp tiêu biểu như Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn... Đây là những võ quan lập được nhiều chiến công, như trường hợp của Nguyễn Tri Phương - người từng cầm quân đi đánh quân Xiêm, bình định Cao Miên. Sách *Đại Nam thực lục* có ghi lại: Năm 1845, Nguyễn Tri Phương được vua Thiệu Trị ban thưởng “gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ, quân công một cấp, ký lục ba thứ, thẻ bài đeo bằng ngọc đẹp có chữ “Cát tường phước thọ”, dây rù xuống có xâu san hô, nhẫn trân châu, cần vàng mặt kim cương, kim tiền hạng to có chữ “Vạn tuế vĩnh lại” có dây rù xuống, khánh vàng ghi công, mỗi thứ một chiếc” [9; tr.760]. Đến năm 1847, ông lại được triều đình ban thưởng “1 chiếc nhẫn ngọc kim cương hạng lớn, chung quanh khảm ngọc trân châu bịt vàng của nhà vua thường dùng, 1 cái bài đeo có dây tua xâu ngọc san hô tốt, có chữ “Cát tường Phước trạch”, 1 đồng kim tiền hạng lớn

có dây tua có chữ “Vạn thế vĩnh lại”, 1 đồng kim tiền hạng vừa, có dây tua có chữ “Long vân khê hội” [9; tr.794].

Cũng như các quan lại khác, võ quan còn được ban thưởng trong các ngày lễ lớn như ngày tết, mừng thọ, mừng được mùa, mừng thắng trận). Trong các buổi lễ này, võ quan được ban yến tiệc, tiền, bạc cùng 1 hoặc 2 tháng lương.

2.1.3. Đặc ân của nhà nước giành cho võ quan đương nhiệm và gia đình

Dưới triều Nguyễn, võ quan được nhà nước giành cho số đặc ân trong đó có giảm tuổi đối với võ quan đương nhiệm ốm yếu, xin nghỉ công việc quá lâu hoặc già yếu không thể kham nổi việc công. Những trường hợp trên, dưới triều vua Tự Đức (1853), nếu tuổi đã trên 60, cho phép giữ nguyên hàm về quê hưu dưỡng; nếu chưa đến 60 tuổi, thì phải giáng 1 cấp và buộc phải về quê dưỡng bệnh. Một năm sau đó, nhà Nguyễn điều chỉnh độ tuổi thực hiện chế độ hưu dưỡng đối với võ quan già yếu là 50 tuổi.

Ngoài chế độ giảm số tuổi về hưu so với quy định thì quan viên (trong đó có võ quan) còn được nộp tiền để giảm nhẹ hoặc chuộc tội. Quy định này được đặt ra năm Tự Đức thứ 17 (1864) với nội dung ghi rõ: “võ từ tam phẩm đến suất đội, người nào phải đình thăng hoặc giáng cấp, thì cứ quyền 500 quan, miễn cho đình thăng 1 năm khai phục 1 cấp. Người nào bị cách lưu, thì cứ quyền 500 quan, miễn cho cách lưu, cũng được khai phục 1 cấp; nhưng vẫn phải giáng lưu. Nếu muốn khai phục lại tất cả, thì tính xem người ấy có mấy phẩm, so tính là mấy cấp, cứ mỗi cấp quyền tiền 500 quan, khi nào đủ số, mới được khai phục. Người nào nhân việc công, không phải là tham tang tí túi tội nặng, mà bị cách chức không được làm nữa, thì quyền từ 2.000 quan trở lên, đợi Chỉ lượng cho khai phục 2 cấp; cứ 1.000 quan lại cho khôi phục thêm 1 cấp” [10;tr.874]. Ngoài ra, võ quan từ Thất phẩm, nếu phạm tội, tùy theo mức độ nặng nhẹ triều Nguyễn cho nộp tiền để chuộc tội (đánh bằng roi cho là hình thức nhẹ nhất cho nộp 5 tiền, mức nặng như đình thăng, đình bổ quan phải nộp số tiền lớn (1 năm chuộc 100 quan, 2 năm 150 quan, 3 năm 200 quan).

Không chỉ quan tâm đến chế độ đối với các võ quan đương nhiệm mà cả gia đình họ cũng được nhà nước quan tâm và cho hưởng những đặc ân. Năm Gia Long thứ 7 (1808), triều đình có quy định các quan viên văn võ, từ Tứ phẩm trở lên thì các con đều được ghi làm quan viên tử; quan viên tử con quan văn võ Nhất, Nhị, Tam phẩm được miễn binh đao và thuế thân; quan viên tử con quan văn võ Tứ phẩm được miễn binh đao. Dưới triều vua Minh Mạng (1826) cho con các quan võ đăng sách Hoa danh: con quan Chánh tòng nhất phẩm 3 người; con quan Chánh nhị phẩm thì 2 người; con quan Tòng nhị phẩm đến Tòng tam phẩm và Chánh phó quản cơ Ngũ thủy thuộc Thủy quân thì đều 1 người. Khi được ghi vào sách hoa danh những người con của võ quan được cấp lương hàng tháng: “Nhất phẩm mỗi tháng cấp tiền 3 quan gạo 2 phượng; con quan nhị phẩm, tam phẩm tiền 2 quan gạo 2 phượng; con quan tứ phẩm tiền 2 quan gạo 1 phượng 15 bát” [11; tr.507].

Bên cạnh đó, dưới thời vua Tự Đức vào các năm 1854, 1871, triều đình đã ban hành quy định về tập ấm của con quan lại sau khi cha mất. Quan lại sau khi mất thì con cái được vào Anh Danh Giáo dưỡng hoặc được vào học Quốc Tử Giám sau đó đến 20 tuổi thì được xem xét và đến năm 25 tuổi tùy năng lực mà bổ nhiệm cho đi làm việc quan.

Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình quy định những võ quan viên được ghi nhận có công lao đánh giặc thì con cháu họ sẽ được nhà nước cấp lương bổng cho đi học. Đặc

biệt, năm Minh Mạng năm thứ 5 (1824), nhà vua còn đặt lệ cấp tiền cho viên tử con quan võ chết: “con quan nhất phẩm mỗi tháng cho tiền 2 quan gạo 2 phượng, con quan nhị, tam phẩm giảm đi một phần tỵ, con quan tứ phẩm giảm đi một nửa” [11; tr.341].

Không chỉ có những chính sách đối với con cái các quan viên mà đối với cha mẹ của họ, nhà Nguyễn cũng thực hiện một số ưu đãi thể hiện đạo lí của nhà nước phong kiến tiêu biểu là trong những dịp lễ tết và những ngày lễ lớn của đất nước, không chỉ gia ân bổng lộc cho hoàng tộc, những người có công trạng lớn và quan lại trong triều mà còn thực hiện việc ban thưởng cho cha mẹ quan viên.

2.2. Chế độ đãi ngộ đối với võ quan về hưu

Chế độ đãi ngộ đối với võ quan dưới triều Nguyễn trên thực tế còn được áp dụng cho đối tượng là những võ quan về hưu. Về chế độ lương bổng cho võ quan về hưu, tùy theo phẩm trật và độ tuổi mà nhà nước cho hưởng chế độ cấp dưỡng hàng tháng bằng tiền và bằng gạo. Quy định của triều đình Tự Đức năm thứ 32 (1879) nêu rõ: võ quan Tam phẩm được cấp 3 quan tiền và 1 phượng gạo; quan Ngũ phẩm được cấp 1 quan 5 tiền và 1 phượng gạo; các quan Lục, Thất phẩm thì được cấp 1 quan tiền, 1 phượng gạo; các quan hàng Bát, Cửu phẩm hàng tháng được cấp cho 5 tiền, nửa phượng gạo. Võ quan được hưởng chế độ này cho đến cuối đời.

Bên cạnh đó, các võ quan hưu trí có nhiều công lao cũng được triều đình thường xuyên thăm hỏi, xét và ban thưởng. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), triều đình thực hiện việc thưởng tiền cho các quan viên hưu trí với tổng là 29 người trong đó có các võ quan từ Tam phẩm trở lên. Các viên quan này tùy theo công trạng mà được thưởng từ 100 quan đến 40 quan. Chế độ này còn được duy trì thực hiện vào năm Tự Đức năm thứ 12 (1859).

Ngoài ra, các võ quan về hưu khi chết còn được nhà nước cấp tiền tuất. Các quan viên từ Tổng tam phẩm trở lên, trừ những người từng bị giáng hay bắt về hưu đều được hưởng chế độ cấp tuất giống như võ quan đương nhiệm.

Theo quy định của triều đình nhà Nguyễn thì từ năm Tự Đức năm thứ 7 (1854), võ quan từ Chánh tứ phẩm trở xuống, nếu người nào vì đi trận bị thương đã cho về quê, cấp nửa lương thì chiếu theo phẩm hàm cấp cho một nửa tiền tuất. Đối với võ quan Tam phẩm trở lên chết trong lúc về chịu tang hoặc nghỉ dài hạn thì không được hưởng chế độ cấp tuất này. Cùng với quy định như vậy, võ quan thời Nguyễn còn được nhà nước cho phép mang theo triều phục khi về hưu, khi chết được liệm bằng triều phục ấy.

Trong các lễ lớn của dân tộc như ngày Tết, lễ mừng thọ cho nhà vua và thái hậu, võ quan về hưu cũng được ban yến tiệc hoặc vải lụa.

3. Kết luận

Thông qua tìm hiểu nội dung những chính sách đãi ngộ của triều Nguyễn đối với các võ quan đương thời, có thể rút ra một số nhận xét dưới đây:

Một là, chính sách đãi ngộ đối với võ quan của triều Nguyễn là chính sách khá toàn diện đáp ứng đời sống vật chất cũng như tinh thần của các võ quan, đồng thời thể hiện được sự coi trọng của nhà nước đối với võ quan, phản ánh vai trò của bộ phận này đối với sự ổn định của tình hình chính trị - xã hội trong nước cũng như huy động sức mạnh của quân đội trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Hai là, những chính sách đãi ngộ dành cho võ quan, nhất là đối với những võ quan đi làm nhiệm vụ bị trận thương, trận vong là kịp thời, phù hợp. Những chính sách này có tác dụng không nhỏ trong việc động viên tinh thần của đội ngũ võ quan - những người luôn xung trận, đi đầu lãnh đạo binh lính trong mỗi trận đánh và có vai trò không nhỏ đối với việc khẳng định sức mạnh thực lực của lực lượng quân đội.

Ba là, không chỉ quan tâm đến võ quan đương nhiệm, nhà Nguyễn còn có các chính sách đãi ngộ, quan tâm và thể hiện sự tri ân đối với các võ quan đã nghỉ hưu. Chính sách này không chỉ đảm bảo đời sống kinh tế của võ quan khi về hưu mà còn thể hiện phần nào tính nhân đạo, nhân văn trong chính sách dùng người, trọng đãi công thần của các vua triều Nguyễn.

Bốn là, chính sách đãi ngộ dành cho võ quan dưới triều Nguyễn đương nhiên không tránh khỏi những hạn chế, đặc biệt là chính sách lương đối với quan lại, trong đó có võ quan dưới triều vua Tự Đức. Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, việc giảm lương của đội ngũ quan lại nói chung và võ quan nói riêng dù sao cũng ảnh hưởng ít nhiều đến đời sống vật chất và tinh thần chiến đấu của họ, dù đây không hẳn đã là yếu tố quyết định thành bại, thắng thua quân đội triều Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trung tâm bảo tồn cổ đô Huế và tạp chí Xưa - Nay, 2002. *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam*. Nxb Thuận Hóa, tr.201-203.
- [2] Huỳnh Công Bá, 2014. *Định chế hành chính và quân sự triều Nguyễn (1802-1885)*. Nxb Thuận Hóa.
- [3] Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Phương Nga, 2016. *Thủy quân nhà Nguyễn thời vua Minh Mạng*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr.46-56.
- [4] Hà Duy Biền, 2015. *Định mức lương bổng của quan lại bộ binh dưới triều Minh Mạng*. Tạp chí Lịch sử quân sự, số 278, tr.51-56.
- [5] Hà Duy Biền, 2016. *Cách thức tính toán và chi cấp lương bổng đối với quan lại bộ Binh triều Minh Mạng (1820 - 1840)*. Tạp chí Lịch sử quân sự, số 291 (3/2016), tr.46-53.
- [6] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2005. *Khâm định Đại nam hội điển sự lệ tục biên, tập III*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.138-141.
- [7] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập III. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.161.
- [8] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập I. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.912, 676-677, 789.
- [9] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập VI. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.760, 974.
- [10] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập VII. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.874.
- [11] Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục* (bản dịch), tập II. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.507, 341.

ABSTRACT

**Compensation and benefits package for military mandarins
in the army of The Nguyen Dynasty in the period of 1802 – 1884**

Vu Thi Nga

Faculty of Cultural Heritage, Hanoi University of Culture

Compensation and benefit package for military mandarins is one of the important policies in building and consolidating the army under Nguyen dynasty. Military mandarins under Nguyen dynasty did not only receive salary and bonus as mandarins in the dynasty, but also enjoyed special privileges of the state, due to the job's particular characteristics such as the regime for the dead, wounded people in the battlefield. These policies reflected not only the income of military mandarins, but also partly reflected the economic and political situation of the Nguyen dynasty.

Keywords: Army, Nguyen dynasty, military mandarins, salary and bonus.